TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH PHÚ YÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 64/2018/DS-PT
Ngày:10/7/2018
V/v "Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Mai Tấn Hoàng

Các Thẩm phán: Ông Lương Quang và bà Lê Thị Thái Lan

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Cao Thị Thu Hà, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên;

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Yên:*** bà Trần Thị Thu Anh - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 10 tháng 7 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 16/2018/TLPT-DS ngày 09 tháng 3 năm 2018 về việc: "*Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản"*. Do bản án dân sự sơ thẩm số 37/2017/DS-ST ngày 27 tháng 12 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện S bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 63/2018/QĐ-PT ngày 30 tháng 5 năm 2018 và quyết định hoãn phiên tòa số 122/2018/QĐST-DS ngày 21/06/2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Hồ Lạc T, sinh năm: 1970. Nơi cư trú: thôn T, xã S, huyện S, tỉnh Phú Yên. (Có mặt)

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Xuân H, sinh năm: 1969. Nơi cư trú: khu phố T, thị trấn C, huyện S, tỉnh Phú Yên. (Vắng mặt)

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Nguyễn Đắc T, sinh năm: 1966; Nơi cư trú: thôn T, xã S, huyện S, Phú Yên. (Có mặt)

4. Người kháng cáo: Bà Nguyễn Hồ Lạc T.

NỘI DUNG VỤ ÁN

*Theo đơn khởi kiện ngày 14/3/2017, tài liệu có tại hồ sơ và tại phiên toà, nguyên đơn bà Nguyễn Hồ Lạc T trình bày:*Năm 2017 bà có bán vật liệu xây dựng cho

Nguyễn Xuân H và ông Trần Ngọc L, tính đến năm 2010 ông H còn nợ bà 10.292.000 đồng và ông L còn nợ 8.036.000 đồng, nhiều lần bà yêu cầu nhưng bị đơn không trả. Tại phiên tòa bà chỉ yêu cầu ông H trả 18.328.000 đồng, không yêu cầu ông L trả.

Tài liệu có tại hồ sơ và tại phiên tòa bị đơn ông Nguyễn Xuân H trình bày: Ông có mua vật liệu xây dựng với bà T từ năm 2007 và phát sinh nợ là đúng, nhưng từ năm 2007 đến năm 2010 ông đã thanh toán cho bà T 9.000.000 đồng và trả cho ông Nguyễn Đắc T (Chồng bà T) 01 chỉ vàng y trị giá 4.800.000 đồng. Tổng cộng là 13.800.000 đồng, riêng số tiền 8.135.000 đồng ghi tại giấy vở học sinh là do tự tay ông viết nhằm đối chiếu công nợ với bà T nhưng bà T không chấp nhận, sau khi tính toán ông H ông trả cho bà T 6.000.000 đồng và có mua thêm vật liệu nên chỉ còn nợ bà T 3.000.000 đồng.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Đắc T trình bày: ông H trình bày có đưa cho ông 01 chỉ vàng y trị giá 4.800.000 đồng là không có căn cứ, yêu cầu Tòa xem xét.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 37/2017/DS-ST ngày 27/12/2017 của Tòa án nhân dân huyện S đã quyết định:

Căn cứ khoản 1 Điều 26, Điều 147 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm c khoản 1 Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015. Các Điều 428, 438 Bộ luật dân sự năm 2005.

Tuyên xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Hồ Lạc T. Buộc bị đơn ông Nguyễn Xuân H có trách nhiệm trả 3.000.000 đồng cho bà Nguyễn Hồ Lạc T chủ hộ kinh doanh cá thể Nguyễn Hồ Lạc T về khoản mua bán tài sản.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên quy định về án phí, thi hành án và quy định về quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 27/12/2017, bà Nguyễn Hồ Lạc T kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm yêu cầu ông Nguyễn Xuân H phải trả cho bà Nguyễn Hồ Lạc T 18.328.000 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo.

Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Yên phát biểu ý kiến: về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm của Thẩm phán, HĐXX và những người tham gia tố tụng là đúng quy định. Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, bác yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Hồ Lạc T, giữ nguyên nội dung bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của các bên đương sự, Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

Trong quá trình thu thập chứng cứ và tại phiên tòa, bà T khẳng định chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu của mình là căn cứ theo sổ theo dõi công nợ tiêu đề "Anh H T"; "Anh L + Anh H T" đồng thời xác định toàn bộ chữ viết tại văn bản này là của mình và chưa đối chiếu công nợ với ông H, ngoài ra bà T còn cung cấp thêm tài liệu được viết trên giấy ô ly học sinh không đề ngày, tháng, năm và không có tiêu đề cho rằng là "Bảng chiết tính công nợ" do ông H viết, nhưng bà T cho rằng bảng này còn thiếu chưa đầy đủ mà sổ theo dõi có tiêu đề "Anh H T"; "Anh L + Anh H T" mới chính xác đầy đủ. Bà T giải trình công nợ của ông H như sau: tờ "Anh L + Anh H T" chốt công nợ là 8.069.000 đồng; tờ "Anh H T" chốt công nợ là 12.292.000 đồng rồi cộng với 8.068.000 đồng sau đó trừ 2.000.000 đồng, nên ông H còn nợ 18.360.000 đồng.

Ông H thì thừa nhận 8.135.000 đồng trong "Bảng chiết tính công nợ" là do mình viết để đối chiếu công nợ với bà T nhưng bà không thừa nhận, sau đó ông H trả cho bà T 6.000.000 đồng (đã nộp chứng cứ cho Tòa) và mua thêm vật liệu nên chỉ còn nợ 3.000.000 đồng. Ngoài chứng cứ ông H thừa nhận nợ 8.135.000 đồng, đã trả 6.000.000 đồng và mua thêm vật liệu nên chỉ còn nợ 3.000.000 đồng thì bà T không có tài liệu, chứng cứ chứng minh ông H còn nợ 18.328.000 đồng. Do đó cần chấp nhận quan điểm của VKS tại phiên tòa, giữ nguyên nội dung của bản án sơ thẩm.

Về án phí: Đương sự phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn bà Nguyễn Hồ Lạc T. Giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

Áp dụng các Điều 688 Bộ luật dân sự 2015; Điều 428, 438 Bộ luật dân sự 2005; Khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu của bà Nguyễn Hồ Lạc T theo đơn khởi kiện ngày 14/3/2017. Buộc ông Nguyễn Xuân H phải trả cho bà Nguyễn Hồ Lạc T 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng) về khoản tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản.

Trường hợp bản án có hiệu lực pháp luật, người có quyền có đơn yêu cầu thi hành án mà người có nghĩa vụ không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ của mình thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được thực hiện theo quy định tại 468 Bộ luật Dân sự 2015.

2. Về án phí:

Bà Nguyễn Hồ Lạc T phải chịu 766.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm và 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm, đã nộp 459.000 đồng tiền tạm ứng án phí DSST tại biên lai thu tiền số 0000551 ngày 14/3/2017 và 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí DSPT tại biên lai thu tiền số 0000821 ngày 16/01/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện S, nên còn phải nộp 307.000 đồng.

Ông Nguyễn Xuân H phải chịu 300.000 đồng án phí DSST.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

CÁC THẨM PHÁN **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lương Quang **Lê Thị Thái Lan** **Mai Tấn Hoàng**